

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2023/HSST
Ngày: 12-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Bà Linh Thị Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 164/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1996, tại Đồng Nai; Giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú: thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thu H; Chồng Phan Công V; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2017 và nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/5/2023 đến ngày 08/5/2023

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Lê Tấn P, sinh năm: 1995 (có mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sin năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/4/2023, Nguyễn Thị Kim O và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966, cùng ngụ tại thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đi từ Quảng Ngãi đến nhà em ruột của bà H là bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1974, ngụ tại ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai để dự đám cưới anh Lê Tấn P, sinh năm 1995 (con bà T).

Vào ngày 29/4/2023, sau khi dự đám cưới xong, O ở lại chơi tại nhà bà T. Quá trình ở nhà bà T, O quan sát và phát hiện trong nhà có cất giữ nhiều tài sản có giá trị do vừa đám cưới con bà T xong nên O nảy sinh ý định trộm cắp tài sản rồi về Quảng Ngãi tiêu xài cá nhân. Khoảng 09 giờ ngày 29/4/2023, O lợi dụng lúc nhà bà T đang chuẩn bị đám cưới, O vào phòng ngủ của bà T, trộm cắp 01 nhẫn vàng, loại 24K, trọng lượng 01 chỉ của bà T để trong bóp đặt trong tủ đầu giường ngủ rồi O cất giấu trong người. Khoảng 15 giờ ngày 30/4/2023, O phát hiện trên bàn thờ có hộp đựng trang sức nên đã lấy trộm 01 nhẫn nữ trang mặt hoa văn, loại vàng 9999, trọng lượng 1,06 chỉ, rồi cất giấu trong người. Khoảng 22 giờ ngày 01/5/2023, O lợi dụng lúc vợ chồng anh Lê Tấn P đi du lịch, không có người trông coi phòng ngủ nên O đã vào phòng ngủ của anh P trộm cắp số tiền 20.600.000 đồng bỏ trong phong bì màu đỏ, 01 nhẫn nữ trang, loại vàng 23K, trọng lượng 1,09 chỉ và 03 nhẫn vàng loại 24K, trọng lượng 03 chỉ được để trong hộp đựng trang sức trong tủ phòng ngủ, rồi cất giấu trong người. Đến khoảng 12 giờ ngày 02/5/2023, O bỏ số tiền 20.600.000 đồng, 06 nhẫn vàng trộm cắp được và số tiền 9.000.000 đồng của O vào 01 phong bì màu đỏ rồi cất giấu trong người, rồi cùng mẹ ruột Nguyễn Thị Thu H đón xe ô tô khách để về Quảng Ngãi. Trên đường đi, gia đình bà T có gọi điện thoại và yêu cầu O trả lại tài sản nhưng O nói không lấy tài sản của gia đình bà T. Lúc này, chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1993, ngụ tại thôn T, xã P, huyện Đ, Quảng Ngãi (chị vợ của anh P) đang trên đường từ X về Quảng Ngãi, bằng xe ô tô cá nhân, nhận được thông tin từ anh P là nghi vấn O đã trộm cắp tài sản của P nên nhờ chị N liên hệ nhờ xe ô tô khách O đang đi dừng lại để yêu cầu O trả lại tài sản. Khi chị N đề nghị dừng xe ô tô khách, O biết mình đã bị phát hiện nên đưa phong bì chứa tiền, vàng trộm cắp được cho mẹ ruột Nguyễn Thị Thu H nhờ cất giữ nhưng biết đây là tài sản do O phạm tội mà có nên bà H đã phối hợp với chị N trình báo và giao nộp cho Công an xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận để xử lý theo quy định. Công an xã H đã tiếp nhận tin báo, lập hồ sơ ban đầu, niêm phong tang vật, tài sản liên quan đến vụ việc và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐG ngày 04/05/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện X, xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt gồm: 01 nhẫn vàng, loại 24K, trọng lượng

01 chỉ có giá trị là 5.400.000 đồng; 01 nhẫn nữ trang, loại vàng 9999, trọng lượng 1,06 chỉ có giá trị là 5.671.000 đồng; 01 nhẫn nữ trang, loại vàng 23K, trọng lượng 1,09 chỉ có giá trị là 5.602.600 đồng; 03 nhẫn vàng loại 24K, trọng lượng 0,3 chỉ có giá trị là 15.900.000 đồng. Tổng giá trị là 32.573.600 đồng.

* Vật chứng vụ án:

- Số tiền 29.600.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng);
- 06 (sáu) nhẫn kim loại màu vàng được niêm phong theo quy định.

* Trách nhiệm dân sự: bị hại là bà Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Tấn P đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm, không yêu cầu bồi thường hay khiếu nại gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 169/CT-VKSXL ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim O về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo bản cáo trạng và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim O phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo đang nuôi con nhỏ và đang mang thai, là lao động chính trong gia đình, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n, s khoản 1, 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim O từ 14 tháng đến 18 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim O nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim O khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 29/4/2023 tại ấp F, xã X, huyện X, Đồng Nai, Nguyễn Thị Kim O đã có hành vi trộm cắp 01 nhẫn vàng, loại 24K, trọng lượng 01 chỉ, có giá trị là 5.400.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thu T. Ngày 30/4/2023, Nguyễn Thị Kim O tiếp tục trộm cắp 01 nhẫn nữ trang, loại vàng 9999, trọng lượng 1,06 chỉ có giá trị là 5.671.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thu T. Đến ngày 01/5/2023, Nguyễn Thị Kim O tiếp tục trộm cắp số tiền 20.600.000 đồng cùng 01 nhẫn nữ trang, loại vàng 23K, trọng lượng 1,09 chỉ, có giá trị là 5.602.600 đồng và 03 nhẫn vàng loại 24K, trọng lượng 03 chỉ có giá trị là 15.900.000 đồng của anh Lê Tấn P. Tổng giá trị tài sản O chiếm đoạt của bà T và anh P là 53.173.600 đồng.

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim O phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bị cáo trộm cắp nhưng tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, chưa gây thiệt hại nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ. Ngoài ra, bị cáo đang nuôi con nhỏ và đang mang thai, là lao động chính trong gia đình, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, n, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo biết nếu bị phát hiện sẽ bị xử lý nhưng vì tham lam, tư lợi nên đã cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức hình phạt tương xứng để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, phù hợp với hành vi phạm tội, nhân thân, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe bị cáo và để giáo dục, phòng ngừa chung.

Mặc dù bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định điểm g khoản 1 Điều 52 nhưng bị cáo lại có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để bị cáo có cơ hội sửa chữa và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại là bà Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Tấn P đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm, không yêu cầu bồi thường hay khiếu nại gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, người phạm tội có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đang nuôi con nhỏ và đang mang thai, là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra xác định, số tiền 20.600.000 đồng và 06 nhẫn vàng là của anh Lê Tấn P, sinh năm 1995 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1974, cùng ngụ tại ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai là chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả số tiền 20.600.000 đồng và 06 nhẫn vàng cho Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thu T theo quy định; số tiền 9.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tài sản cá nhân của Nguyễn Thị Kim O, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả số tiền 9.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Kim O theo quy định là phù hợp.

[9] Đối với ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Kim O phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1] Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim O **01** (một) năm **02** (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/5/2023 đến ngày 08/5/2023.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Bị cáo;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hải